

VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG BUỔI ĐẦU CỦA TRIỀU NGUYỄN Ở TRẦN TÂY THÀNH

Đỗ Kim Trường (*)

Trần Tây thành là vùng lãnh thổ ở Đông Nam Vương quốc Chân Lạp xưa. Những năm 30 – 40 của thế kỷ XIX, trấn được thành lập. Trong thời gian 6 năm tồn tại của tổ chức hành chính này (1835 – 1841), *Đại Nam thực lục* đã ghi chép về sự ra đời và các hoạt động buổi đầu của triều Nguyễn ở nơi đây.

1. Về việc thành lập Trần Tây thành

Ở nửa đầu thế kỷ XIX, nội bộ triều đình Chân Lạp luôn xảy ra xung đột. Nguyên nhân chính là tranh giành quyền sở hữu ngai vàng. Từ đó, phân chia thành nhiều phe phái, mạnh nhất là phe thân Xiêm và phái thân Việt. Vấn đề này được ghi chép trong một sự kiện ở *Sử Cao Miên*: “Năm 1830, một viên quan trong triều nổi loạn gây thành cuộc can thiệp mới của người Xiêm. Quân đội Cao Miên thất trận. Quốc vương ANG CHAN II rời khỏi lãnh thổ. Hai vị Hoàng đệ là ANG EM và ANG DUONG vào thủ đô với tướng Xiêm tên BODIN, rồi thừa thắng kéo đến Châu Đốc. Tại đây, quân Xiêm bị quân Việt Nam đánh tan rã phải rút về nước. Quân Việt Nam đưa nhà Vua trở về Oudong./ Năm 1834, Ngài [tức Quốc vương ANG CHAN II, TG] đau kết thăng hà. Bấy giờ Cao Miên hoàn toàn nhờ Việt Nam bảo hộ”¹. Đoạn dẫn trên cho thấy, dưới thời trị vì của Quốc vương Ang Chan II (1796 – 1834) (phái thân Việt), các thân vương Ang Em và Ang Duong (phe thân Xiêm) được sự hỗ trợ của tướng Xiêm Bodin chiếm kinh đô Oudong, rồi tiến sang Châu Đốc, bị quân triều Nguyễn đánh bại, phải rút chạy về nước. Ang Chan II được quân đội Việt Nam hộ tống về kinh đô trở lại ngai vàng. Sau 4 năm trở lại nắm quyền cai trị đất nước, đã qua đời vì bệnh. Chân Lạp nhận bảo hộ của Việt Nam. *Sử Cao Miên* chép tiếp: “Theo lệnh của Vua MINH MẠNG, hai vị Hoàng đệ ANG EM và ANG DUONG không được nối ngôi vì theo người Xiêm cả đến người con trưởng của Nhà vua quá cố cũng không được chọn vì Hoàng Hậu là con gái của viên quan tên BÊN là người thân Xiêm. Vua Việt Nam cử Công Chúa ANG MEY là con dòng thứ lên ngôi. Quyết định này không được báo cho Vua Xiêm biết./ Vua Minh Mạng ấn định quyền cai trị tối cao thuộc về ba viên quan Việt Nam dưới sự chỉ huy của một vị Tướng lãnh. Việc triều chính do Trương Minh Giảng và các quan chức Việt Nam điều khiển”². Với sự can thiệp của triều Nguyễn mà đứng đầu là vua Minh Mạng, phe thân Xiêm bị gạt khỏi chiếc ghế quyền lực tối cao ở Chân Lạp. Ang Mey lên nối ngôi vua. Để hỗ trợ chính trị, triều Nguyễn phái ba quan viên do Trương Minh Giảng đứng đầu, đến trực tiếp điều hành chính sự tại đây.

Sự kiện nêu trên được sử triều Nguyễn xác nhận: “Ất Mùi, Minh Mệnh năm thứ 16 [1835], ... Sai Phan Thanh Giản, Đại lý Tự khanh, kiêm việc bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần, mang bản châu phê đến đồn An Man tuyên chỉ, sai Tổng đốc Trương Minh Giảng, Tuần phủ Lê Đại Cương hiểu rõ lấy ý mà làm; khi xong việc thì về Kinh, tâu trả lời.

1. Con gái vua Phiên là Ngọc Vân, nên cứ cho theo danh hiệu cũ mà xưng hô, hoặc có thể chước lượng đặt thêm là Chân Lạp quận chúa. Xét kỹ xem nên làm thế nào, cốt cho nhân tâm được thoả thuận, đợi sau này sẽ liệu dần.

2. Chỉ hướng của các quan Phiên như thế nào: hoặc từ trước đến giờ, một mực muốn quay về với triều đình, hoặc muốn suy tôn Ngọc Vân để làm phen giầu cho triều đình, hay muốn chọn tìm người thân thuộc khác của vua Phiên [mà lập], cần phải xét cho được đích xác.

3. Tục nước Phiên hay hám lợi nhỏ. Trong sự đi lại giao tiếp với họ, nên khéo vỗ về ỷ lạo để kết ơn; bất cứ vật quý hay thường, nhiều hay ít, nên năng đãi họ để đẹp lòng họ, không nên tiếc phí tổn, thì họ sẽ phục tùng mình, có thể để cho mình sai khiến.

(*) *Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp*. Email: kimtruong.do@gmail.com

¹ Lê Hương (1970), *Sử Cao Miên*, NXB Khai Trí, tr 185.

² Lê Hương (1970), *Sử Cao Miên*, Sđd, tr 185.

4. Quan Phiên từ Thập phẩm, Cửu phẩm, Bát phẩm nên châm chúc liệu tâu xin cho quan hàm như Vệ uý, Phó vệ uý, hay Cai đội để họ cảm kích. Còn quan hàm nước Phiên mà họ hiện có thì cứ xưng hô như cũ để theo quốc tục họ. Lại xét trong quan liêu Phiên, người nào hơi có tài cán, thực tâm xuất lực về triều đình, thì những lúc nhàn rỗi, nên cho gọi họ đến, vỗ về uly lạo, hỏi lấy những tình Man, tục thổ, rồi bí mật kết tình thân hậu với họ, thì tất mua chuộc được lòng cảm tử của họ. Nhưng trong những chốn đông người, đối với bọn quan Phiên, nên coi ai cũng như ai, đừng để lộ ra kẻ thân người sơ.

Sai thự Tham tri bộ Hình Nguyễn Công Hoán kiêm lĩnh ấn triện Đại lý tự.

Đổi đồn An Man ở Nam Vang làm thành Trấn Tây³.

Từ ghi chép của *Thực lục*, đối chiếu với đoạn trích *Sử Cao Miên* ở trên, đã thể hiện 6 vấn đề: 1. *Tổ chức bộ máy chỉ đạo hoạt động* (“Quyền cai trị tối cao [ở Trấn Tây thành]”); 2. *Về người nối ngôi Quốc vương Chân Lạp* (“Ang Mey [sử quan triều Nguyễn chép là Công chúa Ngọc Vân]”); 3. *Dò xét thái độ các quan Chân Lạp trong việc tôn lập người kế vị*; 4. *Thực thi chính sách ngoại giao khôn khéo đối với Chân Lạp*; 5. *Xét chuyển quan lại cấp thấp Chân Lạp cho được ngạch trật như quan Việt Nam và trong dụng người tài*; 6. *Đổi đồn An Man ở Nam Vang làm Trấn Tây thành*. Như vậy đến năm 1835, Trấn Tây thành được dùng thay cho thành Nam Vang và triều Nguyễn thực thi một số hoạt động buổi đầu ở nơi đây.



Vùng đất Trấn Tây thành (màu nâu, sọc đứng)

(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A5n_T%C3%A2y_Th%C3%A0nh)

2. Một số hoạt động buổi đầu của triều Nguyễn ở Trấn Tây thành

Sau khi thành lập Trấn Tây thành, triều Nguyễn đã tổ chức một số hoạt động tại đây. Bài viết này xin giới hạn nội dung theo 6 vấn đề đã nêu và thời gian chỉ năm Minh Mạng thứ 16 (1835). Trong đó, ngoài “Đổi đồn An Man ở Nam Vang làm thành Trấn Tây”, còn lại 5 vấn đề. Cụ thể:

2.1. *Về tổ chức bộ máy chỉ đạo hoạt động. Thực lục* chép: “Vua thấy thành Trấn Tây buổi đầu mới thiết lập, công việc bề bộn, sai bộ Lại chọn những viên chức, lại dịch ở các nha trong Lục bộ và Tự, Viện, từ Chủ sự đến Vị nhập lưu thư lại lấy 20 người, đều cho thăng lên một trật, rồi cho đi theo Tổng đốc Trương Minh Giảng và Tuần phủ Lê Đại Cương để sai phái công việc. (Hai Chủ sự thăng Hàn lâm viện thừa chỉ; 3 Tư vụ thăng Tu soạn; 3 Chánh bát phẩm thăng Kiểm thảo; 6 Tòng bát phẩm và Chánh cử phẩm thăng Chánh bát phẩm thư lại; 6 Vị nhập lưu thư lại thăng Chánh cử phẩm thư lại). Bọn Giảng lại tâu xin đặt ở thành Trấn Tây 1 đội pháo thủ và 1 đội chăn voi, mỗi đội 50 người, mỗi người mỗi tháng cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo. Vua y cho, rồi dụ sai mộ 1000 dân ngoại tịch ở từ Quảng Bình trở vào Nam, đặt

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, NXB Giáo dục, tr 490.

làm Trấn Tây Tả vệ và Trấn Tây Hữu vệ. Ai có tài nghệ xuất sắc, chuẩn cho tâu xin bạt bổ quan chức. Lại trước hết phát 2.000 quan tiền công để làm dinh thự và kho tàng (đều lợp ngói). Những nhà cửa của lại dịch, binh lính cũng lần lượt làm dần để nơi ăn ở được yên”⁴. Đoạn dẫn trên cho biết bộ máy điều hành Trấn Tây thành gồm 20 người, do Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương lãnh đạo. Triều Nguyễn còn lập một đội pháo thủ và một đội chăn voi, đồng thời mộ 1000 dân ngoại tịch⁵ từ Bắc trực⁶ (Hữu trực)⁷ trở vô sang đây sinh trú và lập thành hai vệ Tả, Hữu Trấn Tây. Cùng với đó, trị sở của quan quân triều Nguyễn cũng được xây dựng lợp ngói. Ngoài dân ngoại tịch, triều Nguyễn còn thực hiện di dân sang Trấn Tây thành các thành phần phạm nhân như *Thực lục* ghi: “Bộ Hình đệ tâu tờ phiến, lục ra số tù tội đồ của các địa phương, phát phối đi làm việc từ cuối mùa thu năm ngoái trở về trước, những người nguyên quán ở từ Quảng Bình trở về Nam là hơn 170 tên./ Vua dụ sai phạm những tội phạm trước xử quân lưu, nay chuẩn cho tội đồ, và những tội phạm tội đồ bị phát phối chưa hết hạn từ 3 tháng trở lại, thì đều giữ lại sung dịch; mãn hạn sẽ thả cho về. Còn thì đều gia ơn tháo bỏ xiềng xích, phát đi thành Trấn Tây chia cho lệ thuộc dưới cờ Tổng đốc Trương Minh Giảng và Tuần phủ Lê Đại Cương sai phái làm việc chuộc tội. Cuối mùa đông có án nào bị xử tội đồ cũng đều cho như thế”⁸. Theo luật định triều Nguyễn, hình phạt *đồ* là bắt làm việc khổ sai trong thời hạn một đến ba năm, tùy tội nặng nhẹ. Tội đồ có *đồ nô* tức làm nô lệ, đầy tớ tại các dinh, phủ của các đại thần, hoặc lao động nơi nặng nhọc, kèm theo bị phạt đánh bằng gậy (trượng); *lưu* là đầy đi phương xa, người phạm tội này còn bị phạt trượng, thích chữ hai bên má. Hình phạt nặng hơn là *quân lưu* (sung quân), tức đầy làm lính ở nơi biên ải xa xôi⁹.

Trấn Tây thành là phen giậu Tây Nam của nước Đại Nam, ngoài nguy cơ chống đối của các thế lực trong nội bộ triều đình Chân Lạp, còn có sự dòm ngó của Xiêm La với chính sách Đông tiến. Vì vậy để giữ yên vùng đất bảo hộ, triều Nguyễn chú trọng công lao của những người phụ trách nơi đây nói riêng và Nam Kỳ nói chung, như vua Minh Mạng ban dụ: “Ở quân thứ Gia Định thì do Tướng quân, Tham tán, ở Trấn Tây thì do Tổng đốc Trương Minh Giảng, Tuần phủ Lê Đại Cương, ở Hà Tiên thì do Tuần phủ Trần Chân và Lãnh binh, đều xét nghiệm từ Quân cơ, Quân vệ trở xuống, ai đang là thự hàm, quyền sung, thí sai, hoặc ngoại uỷ, mà tài cán đáng được thực thụ hoặc thăng thụ, cho đến những người dũng cảm, mẫn cán đáng được xét bổ chức hàm, đều kê rõ tên, bảo cử tâu lên, chờ Chi”¹⁰. Với chỉ dụ trên, vua “Tân phong Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Tổng đốc An – Hà, tước Bình Thành tử, Trương Minh Giảng, lên tước Bình Thành bá, lại thăng thự Đông các đại học sĩ gia hàm Thái tử thái bảo, văn linh ấn Tổng đốc An – Hà, bảo hộ Chân Lạp. Dụ rằng: “Trương Minh Giảng trước đã được trao cho chức Tham tán đại thần, đánh nghịch tặc Phiên An, một trận Biên – Long, trước lập công đầu. Kịp khi có giặc Xiêm, Giảng đem một bộ phận quân tiến đánh, lại phá được giặc ở Thuận Cảng, đủ lập chiến công thứ nhất; rồi lại tiến quân đi tuần tiểu suốt bờ cõi nước Chân Lạp: trận thắng ở Phủ Lật, làm nhụt hết nhuệ khí ngông cuồng của giặc. Sau đó lưu lại ở Nam Vang, xếp đặt mọi việc, lại điều khiển được trùng khớp, vỗ yên bọn quan Phiên, dân Phiên, làm cho nước Xiêm không dám nhắm thẳng vào phiên thuộc ta, giữ được yên tĩnh. Công ấy thực lớn. Vậy nay tấn thăng tước, trật, đề biêu dương công lao đặc thù”./ ... Sai Tuần phủ An Giang Lê Đại Cương hiệp cùng Tổng đốc Trương Minh Giảng, kiêm lĩnh ấn bảo hộ nước Chân Lạp”¹¹. Công trạng của

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, NXB Giáo dục, tr 491.

⁵ Chỉ những người cùng khó trong làng không có tài sản, không có học vấn khoa cử và những người ngụ cư đã xin nhập tịch nhưng chưa đủ ba đời. Dân ngoại tịch không được quyền tham dự vào việc làng, phải chịu sự chỉ huy của quan viên và gánh vác mọi việc phu phen tạp dịch trong làng, nặng hơn dân đình bản xã.

⁶ Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), triều Nguyễn đổi trấn làm tỉnh. Kinh đô là Thừa Thiên. Quảng Bình và Quảng Trị là *Bắc trực*, Quảng Nam và Quảng Ngãi là *Nam trực*. Xem: Võ Hương – An (2021), *Từ điển nhà Nguyễn*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh và Tao Đàn thư quán, tr 53.

⁷ *Hữu trực* gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị. Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sđd, tr 497, chú thích số 2.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sđd, tr 491.

⁹ Xem: Võ Hương – An (2021), *Từ điển nhà Nguyễn*, Sđd, tr 249, 441 – 443, 680.

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sđd, tr 491 – 492.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sđd, tr 492 – 493.

hai vị đứng đầu Trần Tây thành được vua Minh Mạng tuyên rõ, đặc biệt là Trương Minh Giảng. Cùng với đó, ông còn lãnh chức Bảo hộ Chân Lạp.

2.2. *Về người nối ngôi Quốc vương Chân Lạp. Thực lục* chép: “Phong con gái thứ vua Phiên là Ngọc Vân làm Chân Lạp quận chúa, ban cho mũ, áo./ Vua nghĩ: vua Phiên không có con trai nối ngôi, lại không có người thân cận có thể quyền lý được việc nước. Nghe nói Ngọc Vân, tư chất thông minh, vốn được vua Phiên yêu dấu, nên phong cho. Sau đó, chị gái Ngọc Vân là Ngọc Biện, em gái là Ngọc Thu và Ngọc Nguyên đều được phong làm huyện quận. Sai Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương truyền Chỉ hiệu thị rằng: “Đó là do triều đình nghĩ đến tình vua Phiên mà ra ơn đến con gái. Lũ kia cùng với Ngọc Vân là chỗ chị em một nhà, tình ruột thịt rất thân, nên hoà thuận một lòng để mong cùng hưởng phú quý”¹². Như ở phần đầu đã trình bày, qua các sự kiện từ năm 1796, Quốc vương Ang Chan I mất, đến năm 1834, Ang Chan II lâm bệnh băng hà. Năm 1835, triều Nguyễn hỗ trợ Quận chúa Ang Mey [Ngọc Vân] nối ngôi và các chị em gái [Ngọc Biện, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên] được phong huyện quận. Thời kỳ này trong triều đình Chân Lạp mặc dù phái thân Việt đang nắm quyền, nhưng phe thân Xiêm vẫn có những hoạt động chống đối, gây nên sự tranh chấp nội bộ khá gay gắt và kéo dài. Chân Lạp là nơi hai chính quyền phong kiến Xiêm, Việt luôn tìm cách thiết lập quyền chi phối. Vì vậy, tổ chức các hoạt động về mọi mặt quân sự, kinh tế, văn hóa, ... tại nơi đây đã gây tổn kém khá nhiều về nhân tài lẫn vật lực cho đất nước. Điều này đã khiến một số sử gia và nhà nghiên cứu đời sau phê phán gay gắt chính quyền Minh Mạng và Thiệu Trị.

2.3. *Về dò xét thái độ các quan Chân Lạp trong việc tôn lập người kế vị.* Do tranh chấp ngai vàng trong nội bộ Chân Lạp nên triều Nguyễn chỉ đạo các quan viên bảo hộ Trần Tây thành cẩn trọng dò xét tình hình để có cấp báo và xử lý kịp thời, nhất là việc hỗ trợ chính trị cho người kế vị Quốc vương Ang Chan I. *Thực lục* ghi nhận tháng 3 năm 1835, Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương dâng bản tấu, các quan Chân Lạp ở phủ Hải Tây là Vệ uý lãnh Ốc Nha Xô Đột Lục Thi Kê và Vệ uý lãnh Ốc Nha Na Lăng Sa Đáp báo cho biết, em vua Chân Lạp Nặc Ong Giun sai thuộc hạ mang thư đến phủ nói bị người Xiêm kiềm thúc. Nếu các quan bằng lòng dung nạp thì báo cho biết. Sau đó, lại được tin quân tuần tiễu ở bờ nam sông Cầm Bông Trắc, thấy bên bờ bắc có quân tuần tiễu Xiêm bảo rằng, tướng Xiêm Phi Nhã Chắt Tri, ở Bắc Tầm Bôn, nghe tin vua Ang Chan I chết, nên sai Nặc Ong Giun mang 300 quân đến sóc Cầm Sư, cùng với tên đầu mục Xiêm là Bồ Nô Mẹ Tri thám thính tình hình. Thực chất của việc này là người Xiêm muốn can thiệp vào nội bộ triều Oudong về chọn người kế vị. Được tin, vua Minh Mạng dụ rằng: “Nặc Ong Giun sai người đưa thư, chẳng qua là do người Xiêm mưu toan xảo quyệt, xúi đến thăm dò ý tứ quan Phiên ra sao, một khi xảy việc thì dùng làm cái kế nhân hờ lén vào đó thôi, chắc cũng không có tài năng gì khác. Nay nên đem đại nghĩa bảo rõ cho bọn quan Phiên, dụ họ rằng: Nặc Ong Giun, Nặc Ong Yêm trước đã phản bội vua, lia bỏ mẹ, chạy sang nước khác, thì đã tuyệt tình nghĩa với vua Phiên đã quá cố rồi. Năm ngoái chúng lại dẫn dắt giặc Xiêm vào cõi, tàn phá thành quách Chân Lạp, giết hại nhân dân Chân Lạp, huỷ hoại chùa tháp và đâm ô phụ nữ Chân Lạp, đến đâu cũng làm đất trở trụi, không còn gì, đến nỗi vua Phiên phải lật đật chạy đi, chẳng được ở đâu yên cả! May nhờ bản triều dấy quân đánh bật giặc Xiêm, hộ tống vua Phiên về nước, lại tìm mọi cách xếp đặt cho, thì thần dân nước Phiên mới được hơi yên ổn thôi. Thế là tên Giun, tên Yêm mang tội với tổ tiên nước Chân Lạp, mang tội với thần dân nước Chân Lạp, chứ chẳng những mang tội với bản triều mà thôi. Tương thần dân nước Phiên đều muốn ăn thịt chúng, đắp da chúng thì mới cam lòng. Đó là lòng căm phẫn của mọi người đều như vậy, không chờ tuyên bố, cáo thị, chẳng ai là không biết. Vậy há còn có thể dung túng cho chúng ngầm thông tin tức để cầu may lừa dối thần dân được ư?”¹³ Lời dụ của vua Thánh Tổ nhắc việc năm 1830 và năm 1835 như trên đã nêu. Qua đó cho thấy, đối sách ngoại giao ở Trần Tây thành là một trong những chiến lược mà triều Nguyễn rất quan tâm. Sự việc trên thể hiện quan điểm của Minh Mạng trong xu hướng loại trừ ảnh hưởng Xiêm ra khỏi triều đình Chân Lạp, nhất là việc chọn người đứng đầu triều Oudong.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 542 – 543.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 545.

2. 4. *Thực thi chính sách ngoại giao khôn khéo đối với Chân Lạp*. Từ chiến lược ngoại giao đối với Chân Lạp đã xác định sách lược ứng xử của triều Nguyễn cần mềm dẻo. Vì vậy, tháng 2, Minh Mệnh năm thứ 16 [1835], vua dụ bộ Lễ rằng: “Nước Chân Lạp theo lệ định, 3 năm 1 lần cống chính và hằng năm sai sứ đến châu 1 lần. Ngày nọ, nhân có việc giặc Xiêm, nên lệ cống thường niên năm Minh Mệnh thứ 15 [1834] đã chuẩn cho lưu đến năm nay cùng dâng hai lễ cống một lúc. Nhưng sau đó, vua Phiên bị bệnh chết, phạm những việc lớn nước Phiên, đều chuẩn cho quan Phiên bẩm rõ với Tổng đốc An Giang và Tuần phủ Hà Tiên xử trí. Và lại, nước Chân Lạp đòi đòi làm thần bộc triều ta, cùng một hạng với các địa phương ta, chứ không như ngoại phiên khác. Vậy những lệ cống chính, cống thường các năm đều cho đình chỉ, để tỏ cái chí ý của triều đình vỗ về, hoà mục với phiên thuộc cũ, không nỡ coi như nước ngoài”¹⁴. Vì Chân Lạp là “thần bộc” nên triều Nguyễn quyết định bỏ lệ “cống chính” và “cống thường”, nhằm thể hiện sự nhu viễn với “phiên thuộc”. Ngoài xóa triều cống, vua Minh Mạng còn ban một đàn tế cho Quốc vương Chân Lạp Nặc Chấn [tức Ang Chan I, TG]. Vua cũng hiểu dụ Cơ mật viện rằng: “Vua Phiên bất hạnh tạ thế, phạm các việc phát tang, thành phục và hoả táng đều nhất nhất chuẩn cho theo tục nước, duy có việc gọt đầu, nay đương lúc có việc biên phòng, có thể bất tất phải làm”. Nếu bọn chúng cần lấy việc đó làm cái hậu tình báo đáp, thế không thể bỏ được thì chiều theo sở nguyện của họ cũng không sao. Cần phải châm chước tuý nghĩ, cốt sao được thoả thuận lòng người là hơn”¹⁵. Cùng với những đối ứng khéo léo về ngoại giao, còn có hoạt động kinh tế, như *Thực lục* ghi: “Bỏ lệ cấm chở riêng gạo, muối sang bán ở Chân Lạp. Vua dụ bộ Hộ rằng: “Lệ cấm chở riêng gạo, muối là chỉ nhằm vào những kẻ lén lút giao dịch với nước ngoài đó thôi. Còn nước Chân Lạp lệ thuộc vào bản đồ nước ta đã lâu, cũng là con đò của triều đình, thế mà từ trước đến nay, địa phương sở tại nhất khải ngăn cấm, thực có chỗ chưa hợp. Ta đã cho làm theo lời xin của Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương, tạm bỏ lệnh cấm ấy, nay đã hết hạn, nhân nghĩ: gạo muối rất quan hệ đến sự cần dùng hàng ngày của dân, nếu lại cấm đi, thì nhân dân hạt ấy trông nhờ vào đâu? Thật trái với ý ta chung một lòng nhân, đối đãi như một. Vậy chuẩn cho từ mùng 1 tháng 4 năm nay trở về sau, bỏ ngay lệnh cấm ấy: Phạm thuyền buôn người Kinh hoặc người Phiên có chở gạo, muối đi lại trao đổi, đều cho thông thương, chiếu lệ đánh thuế, đến thành Trấn Tây thì thôi”¹⁶. Bỏ cống, ban đàn tế, cho phép thương mại lương thực (gạo, muối) là những chủ trương ngoại giao của triều Nguyễn đối với Trấn Tây thành trong buổi đầu bảo hộ nơi đây.

2. 5. *Về xét chuyển quan lại cấp thấp Chân Lạp cho được ngạch trật như quan Việt Nam và trọng dụng người tài*. Với chủ trương tránh sự kỳ thị đối với quan chức Việt và người bản xứ ở Trấn Tây thành, nhằm tạo nên tính ổn định nơi đây, tháng 6 năm Minh Mệnh năm thứ 16 [1835], Bảo hộ Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương phụng chỉ xét hạch tài năng phẩm cách các quan Phiên, làm thành danh sách tâu lên. “Vua chuẩn cho: Ốc Nha Văn (thập phẩm) Ốc Tâm; Ốc Nha Nhâm Lịch (thập phẩm) Nhâm Trật đều gia chức Vệ uý, trật Tông tam phẩm; Ốc Nha Trà Tri (thập phẩm) Trà Giao, Ốc Nha Bông Sa Ốc Lịch (thập phẩm) Sa Tây đều gia chức Quản cơ, trật Chánh tứ phẩm; Ốc Nha Si Sâm Mi Thị Lịch (thập phẩm) Mi Hồng; Ốc Nha Y Trách (thập phẩm) Nha Sâm đều gia chức phó Quản cơ, trật Tông tứ phẩm; Ốc Nha Do Tha Sơn Liêm (cửu phẩm) Sơn Sóc; Ốc Nha Sô Y (bát phẩm) Sô Mộc đều gia chức Cai đội, trật Tông ngũ phẩm, đều vẫn lĩnh nguyên chức quan Phiên. Ngoài ra, cho 15 người được gia chức Chánh đội trưởng hoặc Đội trưởng”¹⁷. Về phẩm trật quan chức, triều Nguyễn ban hành 9 bậc quan chế (Cửu phẩm quan giai) vào thời Gia Long năm thứ ba (1804) và Minh Mạng năm thứ tám (1827). Theo quan chế này, quan lại “được chia làm hai ban văn và võ; mỗi ban có chín phẩm, mỗi phẩm cũng có hai trật là chánh và tòng, nghĩa là hệ thống quan giai có tất cả 18 trật, nhỏ nhất là tòng cửu phẩm (9/2) và lớn nhất là chánh nhất phẩm (1/1)”¹⁸. Trong hai số biểu thị bên, đứng trước là số chỉ *phẩm*, đứng sau chỉ *trật*. Số 1 đứng sau nghĩa là *chánh*, số 2 đứng sau

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 516.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 542.

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 606.

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, Sdd, tr 654.

¹⁸ Võ Hương – An (2021), *Từ điển nhà Nguyễn*, Sdd, tr 140.

là *tòng*, chánh cao hơn *tòng*. Cũng vậy, nhất phẩm cao hơn cử phẩm. Ở đoạn dẫn trên, tại Trấn Tây thành lúc bấy giờ thấy có thêm phẩm thứ mười (thập phẩm) cùng các trật *tòng tam phẩm*, chánh tứ phẩm...

3. Lời kết

Tuy chỉ tồn tại 6 năm (1835 – 1841), nhưng việc thành lập và một số hoạt động buổi đầu của triều Nguyễn ở Trấn Tây thành, giúp ổn định tình hình chính trị biên giới Tây Nam nước Việt và loại được ảnh hưởng Xiêm ra khỏi nội bộ triều đình Chân Lạp, ít nhất ở việc chọn người nối ngôi Ang Chan II.

Chủ trương bảo hộ Chân Lạp của triều Nguyễn ngoài mặt tích cực ở buổi đầu, đã dần xuất hiện những yếu tố hạn chế về sau. Từ đó gây nên sự bất mãn trong quan lại và chống đối trong nhân dân. Triều Nguyễn phải vất vả giải quyết, làm hao tổn nhân sự và tài chính đất nước. Đến năm 1841, sau nhiều lần nghị bàn và đánh giá lại chính sách ngoại giao trên, vua Thiệu Trị quyết định cho triệt thoái quan quân về An Giang. Tuy nhiên, hệ quả vấn đề không chỉ dừng lại ở thời gian này, mà còn kéo dài đến khi người Pháp tiến hành xâm chiếm Campuchia.

Nguyên nhân thất bại và bài học kinh nghiệm về vấn đề trên, đã được một số sử gia và nhà nghiên cứu đúc kết. Theo Trần Trọng Kim: “Nhưng vì quan lại Việt Nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, những nhiều dân sự, lại bắt Ngọc Vân quận chúa đem về ở ở Gia Định, bắt bọn Trà Long và Lê Kiên đày ra Bắc kỳ, dân Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên đánh phá. Lại có em Nặc Ông Chân là Nặc Ông Độn khởi nghĩa, có người Tiêm La giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi vua Thánh Tổ mất rồi, quan quân phải bỏ thành Trấn Tây mà rút về An Giang.

Ấy cũng là vì người mình không biết bênh vực kẻ hèn yếu, chỉ đem lòng tham tàn mà ức hiếp người ta, cho nên thành ra hao tổn binh lương, nhọc mệt tướng sĩ, mà lại phải sự bại hoại, thật là thiệt hại cho nước mình”¹⁹.

Nhà văn Sơn Nam: “Việc đóng quân ở Cao Miên có thể tạm tổng kết như sau:

- Về chánh sách, vua chúa phong kiến Việt Nam cũng như Xiêm là cứ luôn luôn mở mang bờ cõi. Đất Cao Miên là nơi tranh chấp. Đánh qua Cao Miên, đưa các quan cai trị là phiêu lưu, nhưng thử hỏi nếu không làm việc ấy để cho Xiêm chiếm đóng Cao Miên sát Châu Đốc, sát Hà Tiên, sát Tây Ninh, liệu lãnh thổ ta có được yên ổn, vẹn toàn? Đây là cuộc tấn công để phòng ngự.

- Về quân sự, khi nào quân Xiêm chiếm vào lãnh thổ của ta thì họ thua. Hễ nắm vững đường thủy chiến lược từ Nam vang đến Tân Châu là ta thắng. Cứ điểm quan trọng nhất là Ba Nam (Ba Cầu Nam) trên sông Tiền Giang, ngược lại khi nào quân ta phiêu lưu đến vùng Biển Hồ, sát căn cứ của quân Xiêm La là ta bị khó khăn, nếu không nói là thua...

- Về chánh trị, có sự kỳ thị rõ rệt, nhưng nặng nhứt là vì lý do văn hóa. Người Cao Miên chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ với những tập tục địa phương, thích sống rày đây mai đó. Vì còn tàn tích mẫu hệ, việc cưới gả của người Miên hơi khó hiểu, không giống người Việt theo phụ hệ, vì vậy bị hiểu là loạn luân. Cách mặc, cách ăn (ăn bốc, mặc sà rông) của người Miên không hợp với cảm quan của nho sĩ Việt, cùng là tục lệ hỏa thiêu. Ngay đến đạo Phật, người Miên theo hình thức Tiểu Thừa, nghĩa là khác với cách tụng niệm, cách ăn uống của chùa theo Đại Thừa. Và quyền hạn của giai cấp tăng lữ ở Cao Miên cũng khá rộng. Quan lại Cao Miên, dưới thời đô hộ của vua Minh Mạng phải mặc áo, đội mũ như quan lại Việt Nam. Từ việc tuyển chọn quan lại, cách thu thuế, nói chung công việc hành chánh ở Cao Miên ngày xưa khác với Việt Nam...”²⁰

¹⁹ Trần Trọng Kim (2020), *Việt Nam sử lược*, Cty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam-NXB Hội Nhà văn, tr 366.

²⁰ Sơn Nam (2014), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Trẻ, tr 98 – 100. Ngoài ra, Phạm Văn Sơn cũng có nhận định về kết quả các hoạt động của triều Nguyễn tại Trấn Tây thành như sau: “Việc binh đội và quan lại Việt Nam phải rút hết về An giang để trả lại nền độc lập cho người Chân Lạp chứng minh rõ ràng đường lối chính trị của Minh Mạng quá dở và đảm quan lại của triều đình thật là bất tài vô hạnh. Vì họ, ảnh hưởng của Việt Nam bị tiêu ma vĩnh viễn ở xứ chùa Tháp...”. Phạm Văn Sơn (1961), *Việt sử tân biên*, Quyển IV, Tủ sách Sử học Việt Nam, tr 372.

Các ý kiến trên có khía cạnh được nhìn nhận chưa thật khoa học. Vấn đề Trần Tây thành là một trong những nội dung thuộc chính sách đối ngoại của triều Nguyễn. Sự kiện diễn ra cách nay hơn 180 năm (1835 – 2021), có giá trị tham khảo trong một giai đoạn lịch sử giữ nước của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hương (1970), *Sử Cao Miên*, NXB Khai Trí.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, NXB Giáo dục.
3. Võ Hương – An (2021), *Từ điển nhà Nguyễn*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh và Tao Đàn thư quán.
4. Trần Trọng Kim (2020), *Việt Nam sử lược*, Cty Văn hóa&Truyền thông Nhã Nam – NXB Hội Nhà văn.
5. Sơn Nam (2014), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Trẻ.
6. Phạm Văn Sơn (1961), *Việt sử tân biên*, Quyển IV, Tủ sách Sử học Việt Nam.